

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Vương

2. Ông Nguyễn Hằng Ny

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Tấn Pháp, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Lệ T, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2019, biên bản hòa giải ngày 09/4/2019 cũng như tại phiên tòa chị Phạm Lệ T trình bày:*

Chị T và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/5/2011. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường hay cãi nhau làm phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống nữa nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 22/4/2012, hiện con chung do anh Đ nuôi dạy. Khi ly hôn chị thống nhất theo nguyện vọng của con. Nếu con theo chị T thì chị T nuôi dạy chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; nếu con chung theo anh Đ thì chị giao anh Đ nuôi dạy chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 09/4/2019 cũng như tại phiên tòa anh Trần Văn Đ trình bày:*

Anh Đ thống nhất với phần trình bày của chị T về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng.

Do hoàn cảnh gia đình sống chung không hợp nên anh Đ và chị T ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Trong thời gian qua, anh Đ muốn hàn gắn để vợ chồng tiếp tục chung sống và nuôi dạy con chung nhưng chị T không thống nhất. Tại phiên tòa, anh Đ thống nhất ly hôn với chị T. Con chung anh Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dạy nhưng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị T và anh Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ. Do

đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị T và anh Đ ly hôn. Con chung hiện anh Đ nuôi dạy nên cần giao anh Đ tiếp tục nuôi dạy, anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét; tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã Đ thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Lệ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trần Văn Đ. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh Đ có địa chỉ tại ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Lệ T và anh Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/5/2011. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị T cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên Đ pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh Đ không đạt Đ nên anh chị đã ly thân từ tháng 8/2018 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị T và anh Đ có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh Đ không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị T. Tại phiên tòa, anh Đ thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị T vì cho rằng vợ chồng anh Đ không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Phạm Lệ T và anh Trần Văn Đ ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống chị T và anh Đ có một con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 22/4/2012. Xét thấy, cháu N hiện anh Đ nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu N. Hơn nữa, tại biên bản ghi lời khai cháu N có yêu cầu nguyện vọng Đ sống cùng cha là anh Trần Văn Đ. Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị T và anh Đ thống nhất theo sự lựa chọn của cháu N. Do đó, cần tiếp tục giao cháu N cho anh Đ nuôi dạy là phù hợp nguyện vọng của cháu N và theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh Đ xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh Đ xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 25/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận chưa có đơn khiếu kiện tại Ủy ban nhân dân xã. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Lệ T phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Lệ T và anh Trần Văn Đ Đ ly hôn.
2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 22/4/2012 (giới tính nữ) cho anh Trần Văn Đ tiếp tục nuôi dạy. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T

không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Lệ T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 26 tháng 02 năm 2019 chị Trrinh có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005983 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa